

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-PT
Ngày: 16-10- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Thảo.

Các thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành.
Ông Tô Văn Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 29/2018/TLPT - HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Lê Công H và 07 bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức B, Phạm Đình H1; bị hại anh Nguyễn Huy T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 03 tháng 07 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình

*** Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo**

1. Phạm Đình H1, sinh ngày 16/5/1997 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú tổ dân phố Đ, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T và bà Phạm Thị T1; có vợ Nguyễn Thị Thục A và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Đức B, sinh ngày 24/5/1997 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú tổ dân phố Đ, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/3/2016 bị xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy - đã đủ điều kiện được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

*** Các bị cáo bị kháng cáo:**

1. Lê Công H, sinh ngày 06/5/1977 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú tổ 12, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công T và

bà Tạ Thị Oanh; có vợ Nguyễn Thị T2 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 03/01/2018 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay (có mặt)

2. Nguyễn Hà P (tên gọi khác: P Khi), sinh ngày 26/6/1983 tại huyện N, tỉnh Đ; Nơi cư trú xóm 13 N, xã Đ, huyện N, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Đ và Đỗ Thị C (đều đã chết); chưa có vợ con; tiền án: Bị xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 160/HSST ngày 28/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố N, chấp hành xong hình phạt ngày 08/02/2015, chưa chấp hành quyết định về án phí hình sự, dân sự và trách nhiệm dân sự; tiền sự: Không; nhân thân: (1) ngày 07/8/2000 bị TAND thị xã N xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; (2) ngày 16/9/2002 bị TAND thị xã N xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; (3) ngày 13/8/2004 bị TAND thị xã N xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; (4) ngày 11/3/2008 bị TAND thị xã N xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Các tiền án trên đều đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/12/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay (có mặt).

3. Phạm Ngọc C, sinh ngày 02/3/1989 tại huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/5/2014 bị xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy - đã đủ điều kiện được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/12/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Quang V, sinh ngày 08/02/1990 tại huyện H, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú tổ dân phố Đ, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang M và bà Phan Thị H; có vợ Phạm Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số: 28/2012/HSST ngày 24/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện H - đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/12/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay (có mặt).

5. Vũ Văn Á (tên gọi khác: Á Ngọng), sinh ngày 01/6/1989 tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị Y; có vợ: Vũ Thị H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Bị xử phạt 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 36/HSST ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình, chấp hành xong hình phạt ngày 03/3/2016, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự; tiền sự: Ngày 26/02/2017, bị Công an phường T, thành phố T xử phạt 500.000 đồng về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay chưa nộp tiền phạt; nhân thân: Ngày 11/02/2015, bị Công an phường T, thành phố N xử phạt 750.000 đồng về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy - đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành

chính; bị tạm giam từ ngày 21/12/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay (có mặt)

6. Vũ Văn S, sinh ngày 21/7/1990 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú tổ 6, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L và bà Trần Thị B; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự (có 02 tiền sự): (1) Ngày 28/12/2016, bị Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng, về hành vi: Đánh nhau gây mất trật tự công cộng, chưa thi hành; (2) Ngày 01/6/2017, bị Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng, về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã thi hành ngày 07/6/2017; nhân thân: (1) Ngày 29/5/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; (2) Ngày 02/10/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Không tố giác tội phạm”; Các tiền án trên đều đã được xóa án tích; (3) 09/12/2015 bị Công an phường N, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (4) ngày 21/7/2015 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 500.000 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; (5) ngày 11/4/2007, bị Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi dùng đất đá ném vào nhà người khác; (6) ngày 10/5/2014, bị Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Các tiền sự trên đều đã đủ điều kiện được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 29/4/2018 đến ngày 30/4/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay (có mặt)

****Bị hại có kháng cáo:***

- Anh Nguyễn Huy T; sinh năm 1980; Nơi cư trú tổ dân phố Đ, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:***

- Anh Nguyễn Duy A, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 22, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (không có kháng cáo, không bị kháng cáo Tòa án không triệu tập).***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều 11/5/2017, anh Nguyễn Huy T và anh Phạm Đình Đ có mâu thuẫn với nhau trong sinh hoạt cá nhân. Nguyễn Quang V (là con rể của anh Đ) biết việc anh Đ có mâu thuẫn với T. Tối 11/5/2017 tại nhà anh Đ, V có gặp anh Phạm Đình L (là em trai anh Đ), anh L nói với V đi đến sân nhà văn hóa thành phố T thuộc tổ 10A, phường B, thành phố T để nói chuyện vì anh L đã hẹn anh T ở đó. Trước khi đi, V có gọi điện cho Lê Công H nhờ H nói chuyện với anh T để hòa giải sự việc mâu thuẫn giữa anh T và anh Đ. Sau đó, Lê Công H đã gọi điện cho anh T, rồi hẹn nhau đến sân nhà văn hóa thành phố T nói chuyện. Khoảng 20 giờ cùng ngày Lê Công H đi cùng Vũ Văn S và anh Phạm Thành L đến sân nhà văn hóa thì gặp anh T cùng người bạn đang ngồi nói chuyện với anh L và V. Tại đây Lê Công H và anh Trung xảy ra cãi chửi nhau thì lúc đó Vũ Văn Á đến

dùng tay đánh vào đầu anh T, anh T vùng đứng dậy lao vào giằng co với H và Á. Quá trình giằng co T có lấy từ trong túi quần một con dao (dạng dao bấm) rồi đuổi theo Lê Công H, còn Á bỏ chạy và lấy được một chiếc bom của thợ sửa xe đạp gần đó quay lại đuổi đánh bạn của T nhưng không ai bị thương tích gì, sau đó người này bỏ chạy và T cũng đi khỏi khu vực sân nhà văn hóa thành phố T và về nhà mẹ của Trung ở phường T, thành phố T ngủ. Á, S, Lê Công H, V đi về phòng trọ của H ở xã Q, thành phố T.

Tại nhà trọ của Lê Công H, V gọi điện cho Phạm Đình H1 nói chuyện mâu thuẫn giữa anh T và anh Đ, sau đó hỏi H có hung khí không, H trả lời “Có”, đồng thời V nói mang hung khí đến chỗ V ở khu vực công ty TNHH giấy ADORA, thuộc xã Q, thành phố T, Phạm Đình H1 đồng ý. Lúc đó, Nguyễn Đức B đang ngồi cạnh nên Phạm Đình H1 có nói lại nội dung trên cho B nghe và B đồng ý đi cùng. Phạm Đình H1 điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Dream, BKS: 35B1 - 99537 chở B về nhà lấy 01 kiếm tự chế rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B ngồi sau mang theo chiếc kiếm lấy ở nhà Phạm Đình H1 đến gặp V tại phòng trọ của Lê Công H. Tại đây, có Lê Công H, Á, S và V, lúc này Lê Công H nói với B và Phạm Đình H về việc Lê Công H đi gặp T để giải quyết việc cho anh Đ nhưng bị T dùng dao gây thương tích vào tay, Lê Công H nói: “T đánh ai được một lần thì sẽ có lần thứ hai, anh em mình phải tìm nó để dạy cho nó một bài học và bắt nó xin lỗi, nếu nó không xin lỗi thì đánh nó”. Sau đó Lê Công H nói với Bắc, Phạm Đình H1, S, Á và V về việc đi tìm T để đánh và gọi điện cho Nguyễn Văn Đ trú tại phường N, thành phố N và nói với Đ việc mình bị T dùng dao đâm bị thương vào tay rồi bảo Đ mang hung khí vào thành phố T cho H mượn. Nguyễn Hà P và Phạm Ngọc C được Đ nói Lê Công H bị đánh trong thành phố T, vì quen biết nhau nên C mang 06 chiếc dao tự chế bỏ vào túi vải tối màu rồi cùng P bắt taxi vào thành phố T. Trên đường đi C điện thoại cho Lê Công H và hẹn đón tại gầm cầu vượt thành phố T; sau đó Á và B đi xe mô tô BKS 35B1 - 99537 của Phạm Đình H ra đón P và C mang theo 06 chiếc dao tự chế đến phòng trọ của Lê Công H. Tại đây mọi người có lấy hung khí ra xem, sau đó C cầm túi trong có hung khí để lên mái phòng trọ của Lê Công H. Lúc này Lê Công H nói với C, P và mọi người về việc Trung gây thương tích vào tay của Lê Công Hùng là sai và phải đi tìm Trung để giải quyết; nếu T xin lỗi thì bỏ qua còn không thì phải đánh T để dẫn mặt.

Lê Công H biết T đang ở nhà mẹ của T nên bảo V gọi taxi người quen để tất cả đi đến. V gọi điện cho anh Dương Văn T làm nghề lái xe ô tô chở khách khi có yêu cầu. Anh T điều khiển xe ô tô (loại xe 04 chỗ) BKS: 35A - 08742 đến phòng trọ của Lê Công H, lúc này có Lê Công H, Á, S, V, C và P lên xe ô tô mang theo 06 chiếc dao tự chế bỏ trong một chiếc túi vải tối màu. Do xe ô tô hết chỗ ngồi nên Phạm Đình H1 điều khiển xe mô tô BKS: 35B1 - 99537 chở Bắc mang theo 01 chiếc kiếm đi theo xe ô tô của anh T đến nhà của mẹ T tại , phường T, thành phố T theo sự chỉ dẫn của Lê Công H. Khi đến cách nhà mẹ của T khoảng 50 đến 60 mét thì anh T được yêu cầu dừng xe lại, Phạm Đình H1 đi sau cũng dừng lại. Khi xuống xe ô tô, C xách túi hung khí bỏ xuống đất thì Á, V, P và S mỗi người cầm theo 01 chiếc dao, C cầm 02 chiếc dao, còn B cầm kiếm, tất cả cùng Lê Công H đi về phía nhà mẹ của T. V bảo anh T điều khiển xe ô tô ra đầu ngõ để chờ. Anh T lùi xe và điều khiển ra gần đường Quốc lộ 1A chờ lấy tiền công chở, còn nhóm của V đi đâu, làm gì anh T không biết. Phạm Đình H1 dựng

xe mô tô cách nhà mẹ của T 30 mét và quay đầu xe hướng ra đầu ngõ nhà T để đợi đồng bọn đánh T xong thì dễ dàng chờ đồng bọn bỏ chạy. Lúc này khoảng hơn 00 giờ ngày 12/5/2017 cả nhóm đi đến cách nhà mẹ của T khoảng hơn 10 mét thì Lê Công H nói: Để hai người vào gọi T thôi còn lại đứng vào góc không để T nhìn thấy, vì nếu thấy đồng người T không ra khỏi nhà đâu”. Nghe thấy vậy, Á và B cầm theo dao và kiếm đi đến cổng nhà T để gọi T ra, Á gọi: “Anh T ơi”, T hỏi: “Ai đấy” sau đấy anh Nguyễn Huy T ra cổng thì B và Á chạy ngược ra, V, C, P, S cũng bỏ chạy. B chạy đến chỗ Phạm Đình H1 đang đứng cạnh chiếc xe mô tô thì dừng lại bỏ kiếm xuống đất nhặt hai viên gạch cầm trên tay ném một viên về phía T và Duy A nhưng không trúng, viên còn lại B định ném tiếp nhưng thấy đồng bọn của mình đang ở khu vực gần T, sợ vào đồng bọn của mình nên B không ném nữa. B cầm kiếm chạy quay lại định đánh T, nhưng khi đi vào thấy Lê Công H đứng ngoài không lao vào đánh T nên B không đi vào nữa. Còn Phạm Đình H1 khi thấy trong nhà mẹ của T có người cầm hung khí lao ra, H cúi xuống nhặt một nửa viên gạch định ném về phía người chạy từ trong nhà ra nhưng lúc này sợ ném lại vào người của nhóm mình nên Phạm Đình H1 không ném nữa mà chờ sẵn ở xe khi đồng bọn đánh T xong thì chờ đi chạy thoát cho nhanh. Khi T cầm hung khí lao ra thì V, C, S, Á và P cùng bỏ chạy; khi chạy do P bị vấp ngã nên T chạy đến cầm ống tuýp một đầu có gắn dao bầu chém về phía P, P dùng dao đỡ nhưng lưỡi dao của T vẫn chạm trúng vào phần đầu bên trái của P làm chảy máu, P và T giằng co hung khí với nhau. Thấy vậy C hô: “P bị chém rồi”; nghe thấy vậy, Lê Công H liền hô: “Nó ra rồi, đánh nó đi” cả nhóm hiểu là Lê Công H bảo quay lại đánh T thì V, S, C và Á cầm hung khí chạy đến chỗ P và T đang giằng co với nhau, còn B chạy qua chỗ Lê Công H đứng ở đó để hỗ trợ. S đang cầm chiếc dao tự chế ở tay phải chạy đến, cách chỗ T khoảng 3 đến 4 mét, dơ lên ném chiếc dao đang cầm trúng vào phía sau người T, T kêu “Á” và bỏ chạy về phía cổng thì bị trượt ngã. Thấy vậy Nguyễn Duy A cầm ống tuýp có gắn dao lao ra nên C quay sang đánh nhau với Duy A thì bị thương ở mu bàn tay phải. Á chạy đến cầm dao chém về phía T, T bỏ chạy nên Á quay ra đánh nhau với Duy A. P lấy được ống tuýp có gắn dao bầu của T, P đứng ở bên phải, phía sau của T hai tay cầm ống tuýp đầu có gắn dao bầu lấy được của T và cả chiếc dao tự chế của P chập lại, dơ lên chém trúng vào vai trái của T làm rơi chiếc dao tự chế của P xuống đất, lúc này P tiếp tục dùng tuýp sắt đầu có gắn dao bầu chém 01 đến 02 nhát vào lưng T; C cầm dao tự chế chém 02 cái liên tiếp vào vùng lưng của T. Lúc này Duy A cầm tuýp sắt đầu có gắn dao phóng lộn lao ra thì C quay ra hai tay đang cầm hai chiếc dao tự chế đứng cạnh cửa cổng phi một chiếc về phía Duy A nhưng không trúng. Sau đó C quay ra thấy P đang định đánh T tiếp nên bảo thôi đi về. Lê Công H, Á, S, P và C cầm theo hung khí chạy ra đường và lên xe ô tô của T, còn B cầm kiếm chạy ra và ngồi lên xe mô tô của Phạm Đình H, tất cả đi về nhà anh Đ. V vay của anh Phạm Đình H số tiền 1.000.000 đồng; V trả nợ cho Á 500.000 đồng và đưa cho P 500.000 đồng để trả tiền xe taxi. Sau đó Á, P và C cầm theo số hung khí được bọc trong chiếc áo rồi ra xe ô tô do anh T điều khiển về thành phố N. P trả tiền xe cho anh T hết 250.000 đồng, đưa cho C 50.000 đồng mua thuốc uống và P đưa lại cho Á 200.000 đồng, Á tiếp tục ngồi trên xe ô tô anh T chở đến khu vực xã N, thành phố N thì xuống xe. Phạm Đình H1 và B về nhà mình còn Lê Công H, Sơn và V quay về

phòng trọ của H ngủ.

Anh Nguyễn Huy T bị thương được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình với các thương tích để lại như sau:

- Thành ngực tương ứng khoang liên sườn V – VI phải có vết thương KT (3,0 x 0,5) cm, bờ mép sắc gọn. Thành ngực tương ứng khoang liên sườn VI – VII trái có vết thương KT (7,0 x 0,5) cm, bờ mép sắc gọn.

- Gãy xương vai trái, trên vai trái có vết thương KT (16 x 0,5) cm, bờ mép sắc gọn. Thất lưng trái có 02 vết thương nằm chéo dọc KT1 (16 x 0,5) cm và KT1 (10 x 0,5) cm, bờ mép sắc gọn. Thất lưng, mông trái có vết thương KT (7,0 x 0,5) cm, bờ mép sắc gọn.

- Tay phải 1/3 giữa cánh tay có 02 vết thương KT1 (7,0 x 0,5) cm và KT2 (2,0 x 0,5) cm, bờ mép sắc gọn.

Ngày 16/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm sức khỏe bị tổn hại của anh Nguyễn Huy T. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 037/2017/Th - GĐPY ngày 19/5/2017 và công văn số 002 ngày 24/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Huy T là 17% (Mười bảy phần trăm). Về cơ chế gây thương tích: Các vết thương phần mềm và tổn thương xương vai trái do vật sắc trực tiếp gây nên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Công Hùng, Vũ Văn Sơn

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Hà P

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Ngọc C

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vũ Văn Á

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đức B

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Quang V, Phạm Đình H1;

Tuyên bố các bị cáo Lê Công H, Nguyễn Hà P, Phạm Ngọc C, Vũ Văn S, Nguyễn Quang V, Vũ Văn Á, Nguyễn Đức B và Phạm Đình H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt các bị cáo Lê Công H 39 tháng tù, Nguyễn Hà P 36 tháng tù; Phạm Ngọc C, Vũ Văn Á, Vũ Văn S mỗi bị cáo 33 tháng tù; Nguyễn Quang V 30 tháng tù; Phạm Đình H1, Nguyễn Đức B mỗi bị cáo 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Công H, Nguyễn Hà P, Phạm Ngọc C, Vũ Văn S, Nguyễn Quang V, Vũ Văn Á, Nguyễn Đức B và Phạm Đình H1 phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Huy T tổng cộng các khoản là: 42.907.000 đồng, theo phần: Bị cáo Lê Công H 7.000.000 đồng; bị cáo Vũ Văn Á 5.000.000 đồng; bị

cáo Nguyễn Đức B 4.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hà P 7.000.000 đồng; bị cáo Phạm Ngọc C 7.000.000 đồng; bị cáo Vũ Văn S 6.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Quang V 3.907.000 đồng; bị cáo Phạm Đình H1 3.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của anh Nguyễn Huy T đối với khoản tiền còn lại là 243.193.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2018 bị hại anh Nguyễn Huy T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự đối với tất cả các bị cáo.

Ngày 9/7/2019 bị cáo Phạm Đình H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo.

Ngày 12/7/2018 bị cáo Nguyễn Đức B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo.

Ngày 20/7/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy A có đơn kháng cáo xem xét lại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 139/QĐ - XPVPHC ngày 03/5/2018 của Công an thành phố T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và yêu cầu người bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Huy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và mức bồi thường dân sự

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và B, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đình H1 và Nguyễn Đức B1: Xử phạt mỗi bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao các bị cáo cho UBND phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền để giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo H1, B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại anh Nguyễn Huy T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phạm Đình H1, Nguyễn Đức B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị hại anh Nguyễn Huy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với cả 8 bị cáo và tăng mức bồi thường.

Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy A kháng cáo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 139/QĐXPVPHC ngày 03/5/2018 của Công an thành phố T đối với anh nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Duy A từ chối không nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa. Hội đồng xét xử đã đề nghị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về sự vắng mặt của anh Nguyễn Duy A và đã tiến hành

thảo luận. Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Huy T, các bị cáo Nguyễn Đức B, Phạm Đình H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy A làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Công H, Nguyễn Hà P, Phạm Ngọc C, Vũ Văn S, Nguyễn Quang V, Vũ Văn Á, Nguyễn Đức B và Phạm Đình H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo đều xác định thương tích của anh Nguyễn Huy T là do các bị cáo gây ra, ngoài các bị cáo thì không còn ai khác tham gia cùng để gây thương tích cho anh T. Bị cáo Lê Công H thừa nhận đã lôi kéo các bị cáo khác tham gia gây thương tích cho anh T. Các bị cáo Nguyễn Hà P, Phạm Ngọc C, Vũ Văn S là những người đã trực tiếp dùng kiếm, dao tự chế chém anh T; bị cáo Á là người tham gia tích cực, đã trực tiếp cầm dao tự chế vào gọi anh Trung với mục đích để anh T ra cho các bị cáo khác thực hiện hành vi gây thương tích cho anh T, giữ anh T cho P và C gây thương tích, trực tiếp lao vào chém anh T; bị cáo V là người đã gọi điện thoại rủ B, H mang theo kiếm tự chế tham gia thực hiện hành vi chém anh T, bị cáo là người thuê ô tô chở các bị cáo khác đi thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo Nguyễn Đức B, Phạm Đình H đều có mặt tại nơi xảy ra vụ án, tuy không trực tiếp gây thương tích cho anh T nhưng là những người giúp sức tạo điều kiện để các bị cáo khác gây thương tích cho anh T.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định pháp y về thương tích số 037/2017/Th - GDPY ngày 19/5/2017 và công văn số 002 ngày 24/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Huy T là 17% (Mười bảy phần trăm). Về cơ chế gây thương tích: Các vết thương phần mềm và tổn thương xương vai trái do vật sắc trực tiếp gây nên. Hành vi của các bị cáo đã dùng dao, kiếm tự chế là hung khí nguy hiểm đánh chém anh Nguyễn Huy T làm anh T bị tổn thương cơ thể 17% đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét kháng cáo của bị hại thì thấy: Về mức hình phạt đối với các bị cáo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, bị hại anh Nguyễn Huy T cho rằng hành vi của các bị cáo Lê Công H, Nguyễn Hà P, Phạm Ngọc C, Vũ Văn S, Nguyễn Quang V, Vũ Văn Á, Nguyễn Đức B và Phạm Đình H1 dùng dao, kiếm chém anh gây thương tích bị giảm 17% sức khỏe mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương

tích” và tuyên phạt các bị cáo từ 24 tháng tù đến 39 tháng tù là nhẹ nên anh kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại tăng mức hình phạt đối với tất cả các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy vụ án xảy ra xuất phát từ việc trước đó hai bên đã có những khúc mắc và xô sát mà chưa giải quyết dứt điểm được. Bản thân bị cáo Lê Công H cho rằng trong khi xảy ra xô sát bị hại là anh Nguyễn Huy T cũng đã có hành vi dùng dao bấm để đâm vào tay bị cáo, hậu quả làm bị cáo bị chảy máu tay. Sau khi bị đâm do bị cáo Lê Công H bức xúc nên mới nói chuyện với các bị cáo khác trong vụ án về việc mình bị đâm và nhờ các bị cáo khác đi nói chuyện và bắt anh T phải xin lỗi, nếu không xin lỗi thì đánh để răn mặt. Quá trình xảy ra xô sát phía bị hại cũng có hành vi chống trả lại các bị cáo. Sau khi xảy ra vụ án, bị hại là anh Nguyễn Huy T bị thương tích giảm 17% sức khỏe. Hành vi phạm tội mà cả 8 bị cáo nêu trên thực hiện đối với anh T đã bị đưa ra xét xử và bị tuyên phạt với mức án từ 24 tháng đến 39 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật, không nhẹ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo gây thương tích cho anh làm anh bị giảm 17% sức khỏe. Sau khi điều trị thương tích, anh đã đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh các khoản chi phí cho việc điều trị, khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền bù đắp tổn thất tinh thần và khoản thu nhập thực tế bị mất của anh và người chăm sóc anh trong thời gian điều trị với tổng số tiền là 286.100.000 đồng. Do yêu cầu đối với khoản thu nhập thực tế bị mất của anh và của người chăm sóc anh mà anh đưa ra là cao và anh đề nghị tính trong thời gian dài nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật, căn cứ thu nhập trung bình tại địa phương, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do anh nộp thể hiện chi phí hợp lý cho việc điều trị và căn cứ vào lời dặn của bác sỹ khi anh xuất viện đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh đối với khoản chi phí điều trị và tiền xe là 7.587.000 đồng, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 14.520.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu của anh đối với khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.000.000 đồng, khoản thu nhập thực tế bị mất của anh là 14.350.000 đồng, khoản tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc anh là 1.450.000 đồng; tổng cộng buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh tổng số tiền 42.907.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó yêu cầu kháng cáo của bị hại là anh Nguyễn Huy T đề nghị tăng mức hình phạt tù và tăng mức bồi thường đối với các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức B, Phạm Đình H1 Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt các bị cáo 24 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Phạm Đình H1 xuất trình biên lai thu tiền thể hiện bản thân đã nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả bồi thường cho anh Nguyễn Huy T do hành vi phạm tội của mình đã gây ra; bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Đức B cũng xuất trình đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ bị cáo thường

xuyên ốm đau phải đi điều trị tại bệnh viện, anh bị cáo đi làm xa nên nếu bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam sẽ không có ai chăm sóc bố mẹ bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo H1, B có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò sau cùng trong vụ án nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình các bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo. Vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đối với số tiền bị cáo Phạm Đình H đã nộp 10.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Do bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại cần quản lý lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Xét kháng cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy A, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Duy A được triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên bản án sơ thẩm không quyết định bất cứ phần nào đến anh mà chỉ nêu: Anh Nguyễn Duy A ngày 03/5/2018 đã bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh nhau với nhóm của Lê Công H vào ngày 12/5/2017, do vậy Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét. Nội dung đơn kháng cáo của anh đề nghị xem xét vì tối ngày 11/5/2017 anh chỉ cầm cây gậy sắt (ống tuýp nước) là cây chọc phơi đồ của gia đình, không phải là hàn dao bầu như quá trình điều tra xác định. Việc anh cho rằng anh không đi đánh nhau và gây sự với nhóm của Lê Công H mà Tòa án thành phố T nêu anh bị xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng. Anh đề nghị cho xem biên lai anh nộp phạt và ai là người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh. Xét thấy tài liệu trong hồ sơ thể hiện ngày 03/5/2018 Công an thành phố Tam Điệp đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 139/QĐXPVPHC đối với Nguyễn Duy A về hành vi đánh nhau. Công an thành phố T đã nhiều lần xuống nhà giao giấy triệu tập đề nghị anh lên Công an thành phố T để nhận quyết định nhưng anh không có mặt tại nhà. Công an thành phố T đã tiến hành niêm yết quyết định nêu trên tại trụ sở UBND phường T, thành phố T. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên, khi anh được tổng đạt hợp lệ, nếu anh không nhất trí có quyền khiếu nại quyết định trên trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của anh không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cần bác yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Duy A.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức B, Phạm Đình H1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Anh Nguyễn Huy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là anh Nguyễn Huy T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt và mức bồi thường đối với các bị cáo Lê Công H, Nguyễn Hà P, Phạm Ngọc C, Vũ Văn S, Nguyễn Quang V, Vũ Văn Á, Nguyễn Đức B và Phạm Đình H1.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Công H, Vũ Văn S. Xử phạt:

Bị cáo Lê Công H 39 (Ba mươi chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2017.

Bị cáo Vũ Văn S 33 (Ba mươi ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/4/2018

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Hà P. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hà P 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/12/2017.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Ngọc C. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Ngọc C 33 (Ba mươi ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/12/2017.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vũ Văn Á. Xử phạt:

Bị cáo Vũ Văn Á 33 (Ba mươi ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/12/2017.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Quang V. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Quang V 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/12/2017.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Đình H1 và bị cáo Nguyễn Đức B, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Đình H1 và Nguyễn Đức B, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo B, H1 được hưởng án treo.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Đình H1, Nguyễn Đức B. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Đình H1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo Nguyễn Đức B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Cố ý gây thương tích”.

Giao các bị cáo Phạm Đình H1, Nguyễn Đức B cho UBND phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Phạm Đình H1, Nguyễn Đức B có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Y giám sát giáo dục các bị cáo H1, B.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 587, 590 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Lê Công H, Nguyễn Hà P, Phạm Ngọc C, Vũ Văn S, Nguyễn Quang V, Vũ Văn Á, Nguyễn Đức B và Phạm Đình H phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Huy T các khoản sau:

Chi phí điều trị là: 7.587.000 đồng

Tiền thu nhập thực tế bị mất của anh Nguyễn Huy T là: 14.350.000 đồng

Tiền bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị là: 5.000.000 đồng

Tiền bù đắp tổn thất tinh thần là: 14.520.000 đồng

Tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho anh Trung là: 1.450.000 đồng

Tổng cộng các khoản phải bồi thường là 42.907.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, chín trăm linh bảy nghìn đồng). Theo phần:

- Bị cáo Lê Công H phải bồi thường 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Xác nhận đã bồi thường xong theo biên lai thu tiền số AA/2010/04329 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp

- Bị cáo Vũ Văn Á phải bồi thường 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Xác nhận bị cáo Vũ Văn Á đã bồi thường 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2010/04331 ngày 13/6/2018 và số AA/2010/04330 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp. Bị cáo Vũ Văn Á còn phải bồi thường tiếp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Đức B phải bồi thường 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Xác nhận đã bồi thường xong theo biên lai thu tiền số AA/2010/04332 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

- Bị cáo Nguyễn Hà P phải bồi thường 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

- Bị cáo Phạm Ngọc Chính phải bồi thường 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

- Bị cáo Vũ Văn S phải bồi thường 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã bồi thường 4.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/04337 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Quang V phải bồi thường 3.907.000 đồng (Ba triệu chín trăm linh bảy nghìn đồng).

- Bị cáo Phạm Đình H phải bồi thường 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/04327 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, cần quản lý số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản bồi thường thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Đình H và Nguyễn Đức B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Anh Nguyễn Huy T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/10/2018./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1 bản)
 - TAND Cấp cao (1 bản)
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản)
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (2 bản)
 - TAND thành phố Tam Điệp (2 bản)
 - VKSND thành phố Tam Điệp (1 bản)
 - CA thành phố Tam Điệp (1 bản)
 - Chi cục THADS thành phố Tam Điệp (1 bản)
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản)
 - Bị cáo (8 bản)
 - Bị hại (1 bản)
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản)
 - Lưu hồ sơ (2 bản)
 - Lưu tòa (1 bản)
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thảo

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao (01bản).
 - KTGD (02bản)
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03bản)
 - Phòng HSNV - Công an Ninh Bình
- (01bản)
- Tòa án TPTĐ (03 bản)
 - VKSND TPTĐ (01bản)
 - Chi cục THA TPTĐ (01bản)
 - Công an TPTĐ (01bản)
 - Bị hại (01 bản)
 - Bị cáo (01bản)
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản)
 - Lưu phòng HCTP (01bản)
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**

Tô Văn Thịnh

Mai Xuân Thành

Bùi Thị Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**

Tô Văn Thịnh

Mai Xuân Thành

Bùi Thị Thảo

